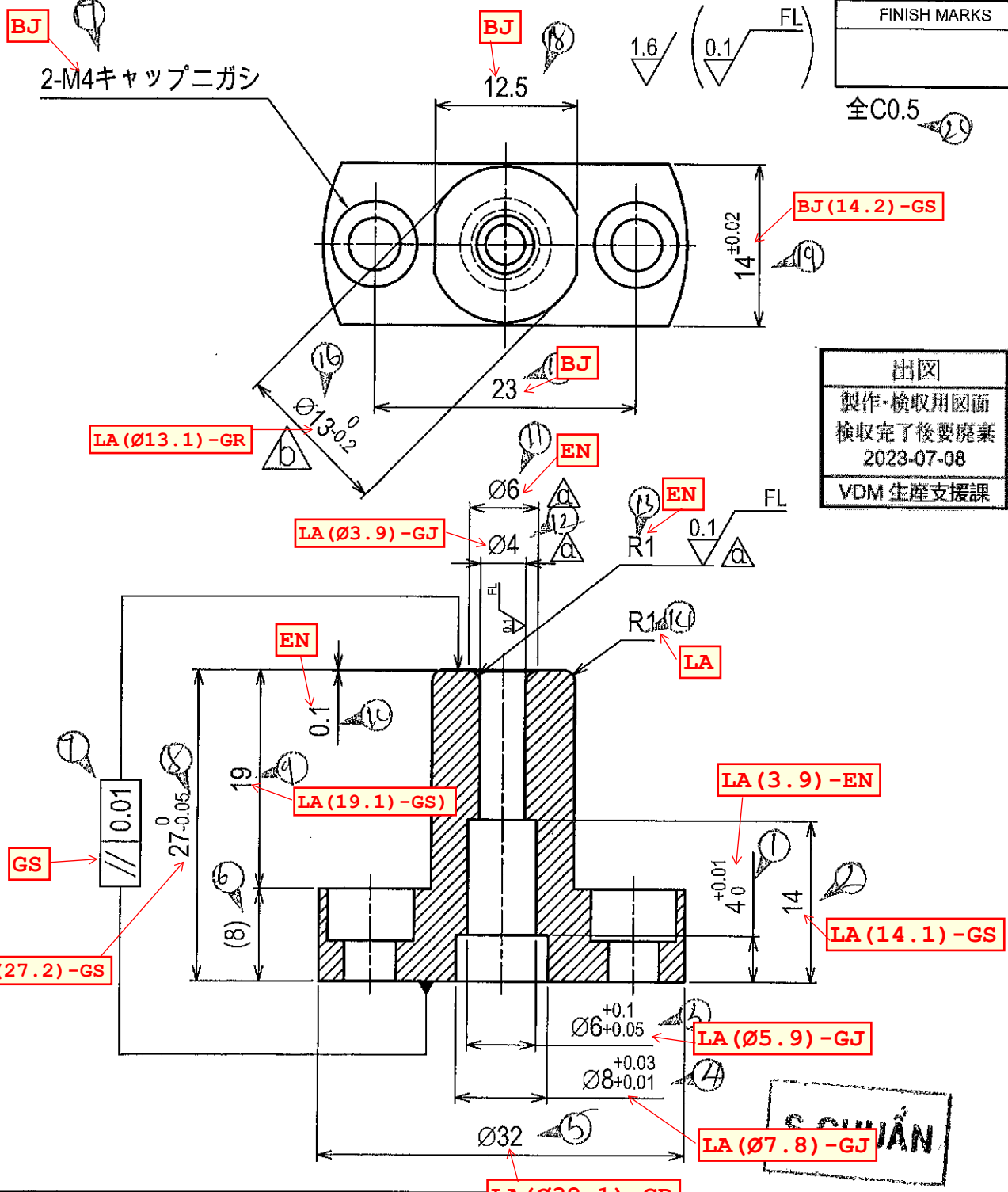


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2005/06/10			KHOA	Tan_Hsiao_Lung	$0.5 \leq \leq 6$ ± 0.1
a	2012/11/28	寸法修正	T-VNM-12-11-423	Nguyen_Mau_Yan	Pham_Thanh_Tung	$6 < , \leq 30$ ± 0.2
b	2014/09/19	寸法変更($\phi 13.5 \rightarrow \phi 13$)	T-VNM-14-08-516	Nguyen_Mau_Yan	Pham_Thanh_Tung	$30 < , \leq 120$ ± 0.3
						$120 < , \leq 315$ ± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS



DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Khanh_Khoa	Tan_Hsiao_Lung	部品図 PART DRAWING	上型 UPPER-DIE
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	上模
HRC 60°~62°		部品図	上模
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2005/06/10	2:1	S744869

SNO: **S744869**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø36*32	LA:75 BJ:60 HT:40 GR:40 GS:40 GJ:75 EN:60 AF:10 KT